

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thịnh;

2. Bà Hoàng Thị Dín.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị G T D, sinh năm 2002.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh S A P, sinh năm 1998.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Đơn khởi kiện của chị G T D đề ngày 01/10/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S A P tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, đến ngày 08/6/2021 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu lại đánh chị không lý do, tháng 02/2024 anh P xuống Bắc Giang, tháng 4/2024 chị cũng xuống Bắc Giang làm công ty cùng anh P. Tại đây mỗi khi anh P say rượu lại đánh thậm chí còn đe dọa giết chị, sự việc chị đã nhiều lần khuyên anh P nhưng anh không nghe. Do anh P đe dọa giết chị nên ngày 25/9/2024 chị sợ quá đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, nay xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã

trầm trọng không thể khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh S A P.

- Về con, nuôi con khi ly hôn: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu S T S sinh ngày 16/12/2019 và cháu S N H sinh ngày 30/01/2022 cả hai cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giải quyết để anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu S cho đến khi cháu H và cháu S đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị ở nhà làm nghề trông trọt thu nhập khoảng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ tháng, anh P làm nghề trông trọt và đi làm thuê thu nhập của anh P chị được biết qua tài liệu của anh P nộp cho Tòa án là khoảng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)/ tháng.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian chung sống, địa điểm kết hôn giữa hai vợ chồng như chị D trình bày là đúng. Về việc mâu thuẫn vợ chồng thì anh trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D nhắn tin với người đàn ông khác bị anh phát hiện, anh đã chửi và có dọa đánh chị D thì chị D đã xin lỗi anh. Anh đã bỏ qua cho chị D. Tuy nhiên, sau đó chị D đi làm ca ngày nhưng đến 09 giờ tối vẫn không về phòng, anh đã đi tìm chị D 02 đêm nhưng không thấy chị D đâu, 05 ngày anh không biết chị D đi đâu và không gọi điện được cho chị D do chị D đã chặn liên lạc của anh. Đến khi mẹ anh gọi điện cho anh thì anh mới biết chị D đã về nhà, quá trình chung sống cùng nhau anh chưa đánh chị D lần nào. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị D kiện ly hôn anh không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung; tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh nhất trí với chị D về con chung như chị trình bày, về công việc và thu nhập của chị D và của anh. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Với mức thu nhập của anh hoàn toàn đủ kiềng kiếng để nuôi dưỡng 02 con chung mà không cần chị D phải cấp dưỡng. Về tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị D kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh P, anh P có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã S C, huyện S do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh S A P có đơn đề

ngiht xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh chị tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 nhưng đến ngày 08/6/2021 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Theo như chị D thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì đã phát sinh mâu thuẫn và cho rằng nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu lại đánh chị và còn đe dọa giết chị, chị đã khuyên anh P nhiều lần nhưng anh P không nghe, do bị anh P đánh nhiều lần và dọa giết nên ngày 25/9/2024 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ngã Ba 2, xã Q H T, huyện S và sống ly thân với nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn anh S A P. Còn anh P trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 9/2024, nguyên nhân là do chị D nhắn tin cho người đàn ông khác bị anh phát hiện, anh đã chửi và dọa đánh chị D thì chị D đã xin lỗi nên anh đã bỏ qua cho chị D, tuy nhiên sau đó khi vợ chồng đi làm ở Công ty thì chị D đi làm ca ngày nhưng đến 9 giờ tối vẫn không về phòng, anh đã đi tìm chị D 02 đêm nhưng không thấy chị D đâu và 05 ngày anh không biết chị D đi đâu và không gọi điện được cho chị D vì chị D đã chặn liên lạc của anh. Đến khi mẹ anh gọi điện cho anh thì anh mới biết chị D đã về nhà.

Tài liệu xác nhận của thôn và UBND xã S C do nguyên đơn cung cấp thể hiện quá trình chung sống sau nhiều lần uống rượu say anh P đánh chị rất đau, cụ thể tháng 7/2020 anh P đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, tháng 8 và tháng 9 năm 2021 anh P tiếp tục đánh chị cầm dao đẩy chị vào nhà vệ sinh dọa giết chị, chị rất sợ nhưng chị đã cho anh P cơ hội sửa chữa nhưng anh P vẫn không thay đổi, thường xuyên chửi mắng chị, vì sợ bị anh P giết nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân nhau, nay tình nghĩa vợ chồng không còn. Do không còn tình nghĩa vợ chồng thể hiện ở việc vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị D không còn thương yêu, quý trọng chăm sóc, giúp đỡ anh P, chị D bỏ mặc anh P, anh P và có hành vi bạo lực gia đình. Từ những điều đó thể hiện hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Nguyên vọng của chị D là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S N H sinh ngày 30/01/2022, giải quyết để anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S T S sinh ngày 16/12/2019 cho đến khi cháu S và cháu H đủ 18 tuổi không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Ý kiến và nguyện vọng của anh P trình bày trường hợp chị D cương quyết ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đến quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của các đương sự, cháu S N H sinh ngày 30/01/2022 nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cháu H

cho chị G T D và giao cháu S T S cho anh S A P mỗi người được trực tiếp nuôi một con khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Cả chị G T D và anh S A P đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng; xét chị D và anh P đều là lao động chính có thu nhập cùng yêu thương quan tâm đến các con, chị D thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), anh P làm nghề trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê nhập hàng tháng được 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không buộc chị D hoặc anh P phải cấp dưỡng nuôi con vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu và phù hợp với ý chí của các đương sự.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Do gia đình chị G T D thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị G T D được ly hôn với anh S A P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị G T D và anh S A P chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu S T S sinh ngày 16/12/2019 cho anh S A P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi; giao cháu S N H sinh ngày 30/01/2022 cho chị G T D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị D và anh P không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị G T D được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã S C,  
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Bình Trọng**



